

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày tháng 02 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;*

*Xét Văn bản số 288/LIKSIN - AK/GPMT/2024 ngày 20/9/2024 của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, địa chỉ tại số 159 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP.HCM được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất màng thổi PE đa lớp và màng có in các loại, công suất 5.160 tấn sản phẩm/năm” tại vị trí lô 21 và 21A, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất màng thổi PE đa lớp và màng có in các loại, công suất 5.160 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 21 và 21A, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

### 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0301441600 đăng ký lần đầu ngày 07/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/9/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0301441600-011 đăng ký lần đầu ngày 28/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/5/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp. Chi nhánh Tổng Công ty Liksin – Xí nghiệp bao bì An Khang Liksin hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin TNHH Một thành viên.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số chi nhánh 0301441600-011 đăng ký lần đầu ngày 28/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/5/2023 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Long An cấp.

### 1.4. Mã số thuế: 0301441600.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thổi PE đa lớp và màng có in các loại để sản xuất in bao bì có chất lượng cao.

### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phạm vi: Diện tích thực hiện cơ sở 10.000,32 m<sup>2</sup> (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 412567 ngày 24/8/2012 (cấp cho thửa đất số 584, tờ bản đồ số 18) và số BK 412568 ngày 24/8/2012 (cấp cho thửa đất số 585, tờ bản đồ số 18) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.*

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Sản phẩm và công suất sản xuất:

+ Sản xuất thổi PE đa lớp và màng có in các loại để sản xuất in bao bì có chất lượng cao – công suất 5.160 tấn sản phẩm/năm, bao gồm:

- Công nghệ sản xuất của Cơ sở:

+ Quy trình công nghệ thổi màng: Hạt nhựa và các loại chất phụ gia → Trộn → Gia nhiệt → Thổi bong bóng → Kiểm tra → Thu cuộn → Thành phẩm (túi, cuộn).

+ Quy trình công nghệ in: Nguyên liệu (màng nhựa, màng ghép, giấy các loại, mực in) → Ép in → Sấy → Kiểm tra → Thu cuộn → Thành phẩm (túi, cuộn).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày **28 tháng 02 năm 2025** đến ngày **27 tháng 02 năm 2035**).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Công ty CP Đầu tư Tân Đức;
- UBND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Hạ;
- Tổng Cty CN -In - Bao bì Liksin TNHH MTV;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLMT, (Văn).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tân Thuận**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), không xả ra môi trường).

- Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số 64/HĐ-KTXD-TADICO24 ngày 20/9/2024 đã ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải**

##### **1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa**

- Hệ thống thoát nước mưa sẽ được công ty xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

- Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC đường kính Ø90mm, Ø114mm, Ø140mm, Ø168mm, Ø200mm. Các ống xối này dẫn nước mưa được thu gom trên mái nhà xưởng thẳng xuống các hố ga trên mặt đất và hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất, tại miệng các hố ga có lắp đặt lưới chắn rác (có nắp đậy, trên nắp có lắp đặt móc sắt thuận tiện cho việc mở nắp hố ga). Tuyến thoát nước mưa gồm các hố ga thu nước mưa nối nhau bằng các đoạn cống bê tông đường kính Φ400mm dưới mặt đất với tổng chiều dài khoảng 440 m, 40 hố ga nhằm thu gom toàn bộ nước mưa trong khuôn viên dự án, với độ dốc  $i = 3\%$  nước mưa được chảy theo phương thức tự chảy và chảy theo cống BTCT D400 (mm) để đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) tại 02 vị trí gồm 01 vị trí nằm trên đường số 3, có tọa độ X (m) = 1 194 049; Y (m) = 0 578 094 và 01 vị trí nằm trên

đường số 4, có tọa độ X (m) = 1 194 100; Y (m) = 0 578 680 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

### **1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải đã được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thu gom nước thải nội bộ nằm trong khuôn viên cơ sở.

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh phát sinh khoảng 14,5 m<sup>3</sup>/ngày (có xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 3 ngăn) được thu gom theo đường ống PVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát máy (Chiller) với lưu lượng khoảng 0,13 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom theo đường ống PVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại dự án để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình giặt đồ bảo hộ lao động với lưu lượng khoảng 1,35 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom theo đường ống PVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại dự án để xử lý.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa trực anilox với lưu lượng phát sinh khoảng 0,2 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom theo đường ống PVC D200mm về bể chứa BTCT có thể tích 11,25 m<sup>3</sup>, có nắp đậy chống nước mưa tràn vào bên trong bể có lót gạch chống thấm ra ngoài và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa bản in với lưu lượng khoảng 0,2 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom bằng xô inox đưa vào 02 thùng phuy 200 lít sau đó chuyển phuy ra kho lưu trữ chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Toàn bộ nước thải (nguồn số 01, 02, 03) sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải - công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm sẽ được dẫn đường ống uPVC D140mm, chiều dài khoảng 4m chảy ra hố ga giám sát nước thải nằm bên ngoài tường rào của Công ty có tọa độ X = 1 194 040; Y = 0 578 085 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°). Sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống uPVC D140mm dài 3m ra hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải với Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) tại 01 vị trí nằm trên Đường số 3 với tọa độ X = 1 194 042; Y = 0 578 088 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

### **1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Vị trí, số lượng, thể tích:

+ Nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng: 01 bể; kích thước: 6,0×4,0×1,5 (m); thể tích hữu ích 36m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### *1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải*

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03 → Hồ thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn lọc thiếu khí Anoxic → Ngăn sinh học MBBR oxic → Ngăn lắng → Ngăn lọc và khử trùng → Hồ ga giám sát nước thải → Đáy nổi nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1).

- Công suất thiết kế: 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, dinh dưỡng (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần B của Phụ lục này).

### *1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục*

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### *1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

*1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:* Không có.

*1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

- Bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, châm hóa chất, tăng cường sục khí khi cần thiết, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại và chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng thiết bị phải được kiểm tra nguồn điện cấp cho các thiết bị, kiểm tra các máy nén khí, máy bơm chìm, máy bơm định lượng, thay thế bằng thiết bị dự phòng trong trường hợp không khắc phục được.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu đáy nổi nước thải của khu công nghiệp thì nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử

lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ thông báo và phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) để xử lý nước thải phát sinh trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** từ tháng 6/2025 đến tháng 11/2025.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- 01 mẫu tại vị trí hồ thu nước thải (trước xử lý).

- 01 mẫu tại vị trí đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải (hố ga giám sát nước thải ngoài tường rào của Công ty).

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các thông số có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải sơ bộ theo giá trị giới hạn cho phép tiếp nhận đầu nổi nước thải của KCN Tân Đức (giai đoạn 1) với các thông số ô nhiễm đặc trưng như sau:

<b>STT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tân Đức</b>
1	pH	--	5,5 – 9
2	Màu	Pt – Co	150
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50
4	COD	mg/L	150
5	TSS	mg/L	100
6	Tổng Nito	mg/L	40
7	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/L	6
8	Sunfua	mg/L	0,5
9	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
11	Coliform	VK/100ml	5.000

#### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc nước thải do chủ dự án

tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đầu nối của Chủ đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng KCN Tân Đức (giai đoạn 1) (Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Tân Đức (giai đoạn 1) theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải.

- Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Đức (giai đoạn 1) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường./.



## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ buồng sấy của khu vực in Flexo.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ buồng drum máy in) của khu vực in Flexo.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ buồng máy in của khu vực in Flexo.

##### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

###### **2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống thải số 01 của hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 01, 02, 03), tọa độ vị trí điểm xả thải  $X = 1\ 194\ 036$ ,  $Y = 0\ 578\ 068$  (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Lixsin Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Lô 21 và 21A, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $13.000\ m^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống phát thải, xả liên tục theo thời gian vận hành của hệ thống.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số  $K_p=1,0$  và  $K_v=1,0$ ), QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>200</b>		

3	n-Butyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>950</b>	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
4	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>1.400</b>		
5	n-Propanol	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>980</b>		
6	n-Propylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>840</b>		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03: Bụi, khí thải (hơi dung môi) từ khu vực in Flexo được thu gom bằng các ống mềm (vật liệu nhựa/kẽm) có kích thước Ø80-100-260 (mm) đầu nối vào đường ống thu gom vật liệu kẽm DxR = 400x250mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý;

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ nguồn số 01, số 02, và số 03 → Ống hút + ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt đẩy (lưu lượng 23.000 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống thải.

- Công quạt hút:

+ 01 quạt hút công suất 15 kW, lưu lượng 18.000 m<sup>3</sup>/giờ hút bụi, khí thải từ nguồn số 01 và nguồn số 02.

+ 01 quạt hút công suất 3,7 kW, lưu lượng lưu lượng 6.000 m<sup>3</sup>/giờ hút bụi, khí thải từ nguồn số 03.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý: 13.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực hệ thống xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, ống dẫn, thiết bị dễ hư hỏng,...

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 6/2025 đến tháng 11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải - công suất xử lý 13.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại ống phát thải sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 phần A Phụ

lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất và lưu giữ chất thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực trộn (máy thổi);
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực chia cuộn;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực in Flexo;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy kiểm tra;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại từ quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cụm máy bơm của hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại từ máy nén khí.
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại từ quạt đẩy của hệ thống xử lý bụi, khí thải

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: có tọa độ X = 1 194 303; Y = 0 578 566.
- Nguồn số 02: có tọa độ X = 1 194 223; Y = 0 578 577.
- Nguồn số 03: có tọa độ X = 1 194 303; Y = 0 578 566.
- Nguồn số 04: có tọa độ X = 1 194 223; Y = 0 578 528.
- Nguồn số 05: có tọa độ X = 1 194 036; Y = 0 578 068.
- Nguồn số 06: có tọa độ X = 1 194 027; Y = 0 578 053.
- Nguồn số 07: có tọa độ X = 1 194 232; Y = 0 578 527.
- Nguồn số 08: có tọa độ X = 1 194 042; Y = 0 578 073.

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55		

### 3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm; không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị. Vận hành thiết bị theo quy trình, quy phạm.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng; lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

- Bố trí các máy móc trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý.

- Trồng cây xanh trong khu vực nhà máy để giảm lan truyền tiếng ồn, điều hòa không khí và tạo bóng mát.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Nâng cấp, thay thế máy móc thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.4. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

## Phụ lục 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	90	16 01 06
2	Pin, ắc quy, chì thải	Rắn	500	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
4	Cặn dung môi thải	Rắn/Lỏng	400	16 01 01
5	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	2.951	12 01 04
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.341</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	4.500	18 02 01
2	Bao bì dính hóa chất, dung môi (thùng mực in, can, phuy, bao bì,...)	Rắn	5.500	18 01 02

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	60	08 02 01
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	50	08 02 04
5	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	1.830	19 10 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>11.940</b>	

### *1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh*

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Màng PA/PE, PP, Pet-G, không in	Rắn	650.000
2	Màng PE đục	Rắn	
3	Màng PA/PE in hư/màu	Rắn	
4	Màng PE trong	Rắn	
5	Màng PE in hư	Rắn	
6	Biên chia cuộn PA	Rắn	
7	Lõi vụn	Rắn	
8	Màng PE co	Rắn	
9	Giấy PE ghép	Rắn	
10	Vỏ bao nhựa 750 kg, 25kg	Rắn	
11	Màng OPP in hư	Rắn	
12	Màng PA ghép nhôm (Ny, PET)	Rắn	
13	Giấy ghép nhôm	Rắn	
14	Màng CPP in hư	Rắn	
15	Hạt nhựa không đạt yêu cầu	Rắn	
16	Pallet gỗ	Rắn	
17	Vỏ bao giấy 25 kg	Rắn	
18	Vỏ bao nhựa ghép nhôm 25 kg	Rắn	
19	Bọc màng co	Rắn	
20	Giấy vụn	Rắn	
21			
<b>Tổng cộng</b>			<b>650.000</b>

### *1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh*

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 21.750 kg/năm, chủ yếu bao



gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

### **1.5. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát khác theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE (có nắp đậy) và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 8 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm, hố thu gom để phòng chất thải lỏng rơi vãi. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE, phuy sắt (có nắp đậy) và các bao PP chống thấm, 01 bể chứa chất thải nguy hại dạng lỏng bằng BTCT có thể tích 92,25 m<sup>3</sup>.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 16 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát có gờ cao 10cm, hố thu gom để phòng chất thải lỏng rơi vãi. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát có bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng HDPE và các bao PE/PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 78,75 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Kho có thiết kế mái lợp tôn, mặt sàn được bê tông hóa, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### **2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác HDPE có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Diện tích: 15,75 m<sup>2</sup>, có mái che, nền bê tông chống thấm.

### **2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra. Nhân viên được hướng dẫn, tập huấn các phương pháp phòng chống cháy nổ. Thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy phải đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ./.

## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả; Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày**.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đảm bảo sản phẩm, công suất hoạt động của Nhà máy phù hợp với công suất các dây chuyền sản xuất được nêu tại Giấy phép này.

9. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình cơ sở đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

11. Chủ cơ sở phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ.

12. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp phép môi trường, Chủ dự án đầu tư thực hiện công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Đức Hòa Hạ./.